

VỀ TẠP CHÍ PHẬT GIÁO "GIÁC NGỘ LÀ GÌ ?"

MINH CHI^(*)

G iáo sư Dennis từ California vừa biểu tôi tờ tạp chí "What is Enlightenment", xuất bản mỗi năm hai lần, bởi một tổ chức giáo dục không vụ lợi, có tên Moksha Foundation, ở Mỹ. Từ Moksha là một từ sanskrit có nghĩa là giải thoát. Ngay từ ngữ moksha cho thấy hương vị Á Đông, đúng hơn là hương vị Ấn Độ giáo hay Phật giáo của tổ chức.

Tổ chức có các chi nhánh nước ngoài ở Anh (Luân Đôn), Hà Lan (amsterdam), Đức (Cologne) và Thụy Điển (Stockholm).

Còn đầu đề tờ tạp chí thì cũng gần giống như tờ Giác Ngộ tuần báo và nguyệt san ở nước ta. Chỉ có chi tiết khác nho nhỏ là thay vì một từ Giác Ngộ, họ lại dùng một câu hỏi: "What is Enlightenment", tức Giác Ngộ là gì? Tờ tạp chí được viết tắt là WIE.

Thế nhưng người sáng lập và là Tổng Biên tập tờ tạp chí này lại không phải là một đạo sư người Ấn Độ hay người Tây Tạng mà là một người Mỹ, tên là Andrew Cohen. Trong tạp chí số mùa Thu 1998, giới thiệu về ông như sau:

"Không chỉ là một đạo sư tâm linh, mà là một hiện tượng gây cảm hứng. Từ năm ông được giác ngộ là 1986, ông chỉ sống, thở và nói mỗi một điều là

khả năng giải thoát hoàn toàn khỏi sự ràng buộc của si mê, mê tín và tính vị kỉ... Ông đã xem xét "của báu giác ngộ" từ mọi góc độ và tạo ra một học thuyết vừa rộng lớn, vừa tế nhị, có một ý nghĩa trực tiếp không gì so bì được, vừa là cách mạng trong ảnh hưởng của nó".

"Trong các bài giảng thuyết công khai, trong tác phẩm của mình và trong các cuộc gặp gỡ với những đạo sư tâm linh của hầu hết các truyền thống khác nhau ông đã không mệt mỏi tìm cách truyền bá sự phát hiện của ông, tức là ý nghĩa đích thực của giải thoát tâm linh, là khả năng của nó thay đổi hoàn toàn không những con người cá nhân, mà còn thay đổi cả cung cách những con người đó ứng xử với nhau nữa".

Bản thân Cohen đã tự mình viết bài giới thiệu số đặc biệt của tờ tạp chí "Giác Ngộ là gì", trong đó ông xác nhận có những quan điểm rất khác nhau về khái niệm giác ngộ của những đạo sư tâm linh vĩ đại nhất, có uy tín nhất, như Phật Thích Ca Mâu Ni, và Sankara... Ông viết: "Trong số tập san này, chúng tôi cố gắng đặt vấn đề giác ngộ là gì ở hai truyền thống giác ngộ nổi bật nhất - Vedanta

*. Nhà nghiên cứu, Viện Phật học Thành phố Hồ Chí Minh.

và Phật giáo - với hi vọng tìm ra một vài câu trả lời cho một loạt vấn đề rối rắm nhất, nảy sinh bất cứ lúc nào và đối với bất cứ ai chân thành tìm hiểu “Giác Ngộ là gì?” (trang 19 của tạp chí).

Trong bài giới thiệu này, tôi chỉ hi vọng trích dẫn vài đoạn ngắn trong bài trả lời của ngài Đạt Lai Lạt Ma, đại diện cho Phật giáo và đạo sư Ấn Độ giáo Swami Dayananda, đại diện cho Ấn Độ giáo cách tân Advaita Vedanta.

Trước hết là phần đầu câu trả lời của Đạt Lai Lạt Ma cho câu hỏi của Tạp chí WIE: Khi Ngài suy nghĩ về sự giác ngộ, thì Ngài nhằm tới thành tựu cái gì? Đối với cá nhân Ngài, mục đích của Giác Ngộ là gì?

Đạt Lai Lạt Ma: "... Ở trình độ của chúng ta, quyền năng hay khả năng nhận thức rất hạn chế, nhưng chúng ta có tiềm lực phát triển khả năng nhận thức đó: “Cảnh giới Phật” hay là “sự giác ngộ của Phật” sẽ đạt tới được khi tiềm lực nhận thức đó được phát triển đầy đủ, hoàn toàn. Nhưng ngay khi chúng ta chưa đạt tới trình độ giác ngộ hoàn toàn như vậy, trong quá trình tu tập, biết được cái gì chưa biết, thành tựu được những gì chưa được thành tựu trước đây, cũng là đạt được những trình độ giác ngộ khác nhau (Ngài Đạt Lai Lạt Ma dùng từ “levels of enlightenment” tức là các trình độ giác ngộ). Đối với người Phật tử, đối tượng tu tập chủ yếu là cái tâm của mình. Phải biết hạn chế những cảm xúc mạnh như giận dữ và tham đắm, mà tôi gọi là cảm xúc tiêu cực vì

chúng thực sự có hại cho thân tâm con người. Nhưng làm thế nào để hạn chế những cảm xúc tiêu cực đó, tất nhiên là không thể bằng cầu nguyện hay tập thể dục mà có thể hạn chế chúng được, mà phải bằng nuôi dưỡng, phát triển những đức tính đối trị, như dùng lòng từ vô lượng, lòng từ không chút vị kỉ, lòng từ đích thực. Để đối trị lòng tham đắm, chúng ta cần nuôi dưỡng *tâm xả*, tức là cái tâm bình đẳng, không chấp thủ. Nên nhớ tất cả mọi cảm xúc tiêu cực như tham lam, sân giận đều bắt nguồn từ si mê, Phật giáo gọi là *vô minh*. Mà đối trị vô minh, chính là sự *giác ngộ*.

Vì vậy mà đối với Phật tử, nghiên cứu tâm, tìm hiểu tâm là rất quan trọng. Phải biết ở trong tâm ta, những yếu tố gì là tiêu cực, có hại, những yếu tố gì là tích cực, có lợi, rồi dần hạn chế yếu tố tiêu cực, nuôi dưỡng, phát triển những yếu tố tích cực. *Tu tập tâm là như vậy*. Chính vì lẽ đó, mà một số người hiện nay gọi đạo Phật là môn *khoa học về tâm*. Nhiều tư tưởng của Phật giáo có thể được những người không phải là Phật tử tiếp thu và thực hành. Thí dụ, có nhiều người đang cố gắng đạt tới sự bình lặng nội tâm, sự tỉnh giác của tâm bằng những phương pháp Phật giáo nhưng không tuyên bố mình là Phật tử. Điều này không có gì là lạ cả. Nhưng đối với người Phật tử chân chính, thì phải phấn đấu để đạt tới trình độ giác ngộ hoàn toàn như Phật, đạt tới cảnh giới Niết Bàn chứ không thể bằng lòng với sự bình lặng nội tâm hay là tỉnh giác nội tâm.”

Tiếp theo, xin giới thiệu quan điểm của đạo sư Swami Dayananda, một trong những đạo sư nổi tiếng nhất còn sống của Advaita giáo, là hình thức cách tân của Bà la môn giáo, do Sankara thành lập vào khoảng thế kỷ VII. Tên gọi đầy đủ của giáo phái này là Advaita Vedanta, vốn đã tồn tại 1300 năm, nếu lấy thời điểm xuất hiện của Sankara làm gốc. Nhưng nếu lấy thời điểm xuất hiện của các tập Thánh điển Upanisads làm chuẩn, (vì Sankara không làm việc gì khác ngoài bình giải các tập Upanisads này), thì nguồn gốc của Advaita Vedanta phải xưa đến 2500 năm hay hơn nữa. Swami Dayananda là tác giả 21 công trình nghiên cứu về Advaita Vedanta, bao gồm một số bản dịch và bình giải, giới thiệu một số văn kiện truyền thống cổ điển. Ông là Viện chủ hai tu viện Advaita ở Ấn Độ và một tu viện mới thành lập ở Mỹ.

Sau đây là những ý chính phát biểu của đạo sư Swami Dayananda, trả lời các câu hỏi của tạp chí WIE về Advaita Vedanta:

“Từ Advaita rất quan trọng. Nó phủ định *dvaita* có nghĩa là *hai*. Cả từ Advaita có nghĩa *không phải là hai*. Thực chất của triết thuyết Advaita là: Cả thế giới vũ trụ này chỉ là Một. Cái Một đó là Brahman, và cái Một đó là *đơn nhất*, là *toàn bộ*, chứ không phải được cấu thành bằng những bộ phận hay yếu tố nào hết. Đó là Brahman, cái Tuyệt đối. Và bản thân anh, người đang tìm tòi Brahman cũng là Brahman. Bởi lẽ, nếu Brahman khác

biệt với anh, thì Brahman sẽ không còn là Brahman nữa, vì sẽ là nhị nguyên, không phải nhất nguyên. Anh sẽ là chủ thể và Brahman là khách thể. Anh không còn là cái Toàn bộ nữa (the whole).

Triết thuyết Advaita bắt nguồn từ các Thánh điển Vedas, mà truyền thống xem là sách thần khải, được trao cho các bậc minh triết thời xưa, gọi là các *rishis*. Sách Upanisads là phần kết thúc của Thánh điển Vedas, không những bàn luận về Brahman, mà còn giảng dạy một cách có hệ thống về Brahman nữa. Những điều tôi (tức Swami Dayananda) làm ngày nay không có gì khác chính là những điều được giảng dạy trong các sách Upanisads. Sách Upanisads không phải chỉ là giáo lí, mà còn là truyền thống giáo lí, có thể trao truyền cho con người hiểu và thực hành được. Không có gì bí mật trong vấn đề này cả. Theo tôi, nghiên cứu Thánh điển Upanisads chính là phương pháp trực tiếp để thành tựu cái Ta thật, tức Atman, cũng tức là Brahman. Và thành tựu cái Ta thật, tức là phát hiện cái Ta thật đó chính là cái Toàn bộ, là Thượng Đế, là cội nguồn của Tất cả.

Cái Một tức Advaita hiện hữu khắp mọi nơi. Chúng ta thực nghiệm Advaita thường ngày mà chúng ta không biết đó mà thôi. Vấn đề là biết lí giải thực nghiệm đó. Triết thuyết Vedanta cung cấp một sự lí giải đúng đắn thực nghiệm của chúng ta về Vedanta Advaita. Cái Ta nhỏ hẹp, cái

Ta giả không có cách gì nhận thức trực tiếp hay tư duy về Brahman cả. Nếu thực nghiệm “tâm linh” với cái Ta hạn hẹp đó thì làm sao có kết quả được. Thực nghiệm chỉ có ý nghĩa khi chúng ta biết lí giải thực nghiệm đó một cách đúng đắn.

Sự giác ngộ không phải tùy thuộc vào thực nghiệm, nó tùy thuộc vào chúng ta xua tan được sai lầm và vô minh - và chỉ phụ thuộc vào đó mà thôi, không phụ thuộc vào cái gì khác.

Trên đây là vài nét chủ yếu của câu trả lời của đạo sư Swami Dayananda. Qua câu trả lời toát yếu này, chúng ta có thể đối chiếu với câu trả lời của Đạt Lai Lạt Ma.

Hậu bút của người giới thiệu:

Như chúng ta đều biết, Đức Phật giảng thuyết vô ngã, ngay từ trong những bài kinh đầu tiên ở tại Vườn Nai, sau khi Phật thành đạo. Và thuyết vô ngã, mà sau này đến thời kì Đại Thừa, được giải thích chính là thuyết Tánh Không, là hòn đá tảng của toàn bộ triết thuyết Phật giáo.

Phật giảng: (Udana 80 (bản dịch của Thích Minh Châu)

Khó thấy là vô ngã

Không dễ thấy sự thật

Với bậc có hiểu biết Khéo xâm nhập được ái.

Với vị đã thấy rõ *Đâu còn có vật gì* (Tôi nhấn mạnh)

“Cũng bài kinh 80 Udana, Phật nói rõ hơn về câu “*Đâu còn có vật gì?*: “Này các Tĩ kheo, tại xứ này, tại đây,

không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có hư không vô biên xứ, không có thức vô biên xứ, không có vô sở hữu xứ, không có phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có đời này, không có đời sau, không có cả hai Mặt Trăng, Mặt Trời. Do vậy, này các Tĩ kheo. Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh. Không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau”⁽¹⁾.

Bình giải: Không có đất, nước, lửa, gió, tức là không có 4 đại, hay là bốn yếu tố làm nên mọi hiện tượng vật chất trong vũ trụ này. Các cảnh giới hư không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ là bốn cảnh giới thiên của Vô sắc giới, là cõi cao nhất trên cả Sắc giới và Dục giới, cõi không còn có sắc thân và sắc tướng nữa. Không có Mặt Trời, Mặt Trăng nghĩa là không có cả vũ trụ này gồm có vô lượng vô số hệ Mặt Trời. Không có đến, đi, trụ, diệt, sanh có nghĩa là không có vận động, không có thời gian và không gian, Nghĩa là nói tới một cảnh giới, khác biệt hẳn với cảnh giới hiện tượng mà chúng ta đang sống, một cảnh giới chỉ có thể mô tả bằng những từ phủ định *không và không*. Rõ ràng cảnh giới của bậc giác ngộ và giải thoát, của chư Phật, Bồ Tát và A La Hán siêu việt mọi ngôn ngữ và tư duy của con người. Nó hoàn toàn khác biệt với cảnh giới của phàm phu chúng ta. Chúng ta có nói, có bàn cũng như người mù sờ voi mà

1. *Tiểu bộ kinh*. Tập I. tr. 381.

sách Phật thường dẫn chứng.

Khi đọc những lời Phật dạy về cảnh giới “*không có vật gì*” như trong bài Kinh 80 của Udana (dẫn chứng trên đây), hay là cảnh giới của chư Phật và Bồ Tát trong Kinh Hoa Nghiêm, chúng ta tự cảm nhận thấy mình vô cùng nhỏ bé, thấy mình còn phải tu tập nhiều, phấn đấu nhiều không những một đời, mà nhiều đời. Nhưng mặt khác, chư Phật và Bồ Tát lại dạy ở trong mỗi người chúng ta vốn đã đủ tất cả mọi tiềm năng trí tuệ để thành Phật trong một tương lai gần hay xa tùy theo sự phấn đấu của mỗi người, mỗi chúng sanh, thì chúng ta lại cảm nhận được khích lệ, phấn khởi.

Mình vốn là Phật mà không tự biết. *Hãy tự biết mình.* Đó là câu nói thời danh của nhà hiền triết Hi Lạp cổ đại Socrates. Vua Trần Nhân Tôn, trong bài “*Cư Trần lạc đạo phú*” cũng nói là vì chúng ta bỏ quên mất gốc (Ngài dùng hai từ *khuấy bồn*) không biết bản thân mình là Phật, cho nên mới đi tìm Phật ở đâu đâu, ở ngoài đường, trong khi Phật đang ở trong nhà:

“*Phật ở trong nhà, cầu Thích Ca ở ngoài đường*”

Tất cả nội dung tu tập, phấn đấu của chúng ta chỉ là, phải là tỉnh giác, quán sát thân tâm mình, loại bỏ mọi điều ác, giữ lại và phát triển mọi điều lành, tự làm cho tâm mình trở nên trong sạch vắng lặng, thì cái tâm đó chính là Phật rồi.

“*Tâm tịch nhi tri thị vị chân Phật*”

Nghĩa: Tâm lặng mà biết, đó là ông Phật thật.

Câu hỏi của tờ Tạp chí Mỹ WIE: Giác Ngộ là gì?

Có thể trả lời: Giác Ngộ là biết mình là Phật. Vì không biết cho nên là phàm phu, là luân hồi sanh tử. Cái gì khiến mình không biết? Đó là vô minh, phiền não. Mà vô minh, phiền não cũng là giả tạo, vì vậy mà có thể phá được, vứt bỏ được. Chỉ sợ mình không muốn mà thôi.

Hàng ngày quan sát một cách tỉnh giác thân tâm mình: đó là con đường tu tập duy nhất đúng đắn, còn tất cả những cái khác, như cầu nguyện, lễ, bái, niệm Phật, niệm chú, v.v... đều là phương tiện, là cái bè qua sông, ngón tay chỉ Mặt Trăng. Hãy biết như vậy và làm như vậy. *Đó chính là Giác Ngộ.*

Theo tôi, đạo sư Ấn Độ giáo Swami Nayananda, khi được tạp chí Mỹ WIE phỏng vấn: “Giác Ngộ là gì?” cũng trả lời:

“Giác Ngộ không phải phụ thuộc vào thực nghiệm, nó phụ thuộc vào việc chúng ta loại bỏ những sai lầm và vô minh của chúng ta. Giác Ngộ phụ thuộc vào việc làm đó, chứ không phụ thuộc vào bất cứ cái gì khác”.

Loại bỏ sai lầm và vô minh là gì? Tức là loại bỏ sự không biết cái Ta thật là giác ngộ, là sáng suốt, là hỉ lạc... nếu nói theo những từ ngữ quen thuộc của Ấn Độ giáo Advaita Vedanta./.